

Số: 921/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 5 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp kinh phí hỗ trợ thanh toán tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi còn thiếu sau quyết toán năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của tỉnh Phú Thọ sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Phú Thọ (sau sắp xếp) năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 3740/UBND-KTTH ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao trách nhiệm tiếp nhận, kế thừa việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13/TTr-STC ngày 16/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích ngân sách tỉnh năm 2025, số tiền **7.281.339.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm tám mươi một triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng)** cấp cho UBND các xã, phường để hỗ trợ thanh toán tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi còn thiếu sau quyết toán năm 2024 (của UBND các huyện, thành, thị thuộc tỉnh Phú Thọ trước khi sáp nhập).

Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí (tỉnh Phú Thọ trước sáp xếp) tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Phú Thọ (sau sáp xếp) năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII thực hiện các thủ tục: Cấp kinh phí, thanh toán và quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Giao UBND các xã, phường chịu trách nhiệm đảm bảo việc quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, định mức và theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định; đảm bảo công khai, minh bạch; chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, chế độ quản lý tài chính và quyết toán với cơ quan tài chính theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đình Công Sứ

PHỤ BIỂU**Cấp kinh phí hỗ trợ thanh toán tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi còn thiếu sau quyết toán năm 2024***(Kèm theo Quyết định số: 921/QĐ-UBND ngày 5/9/2025 của UBND tỉnh)**ĐVT: 1.000 đồng*

STT	Tên đơn vị	Số tiền
	Tổng cộng:	7.281.339
1	Phường Việt Trì	10.974
2	Xã Hy Cương	33.248
3	Phường Thanh Miếu	18.627
4	Phường Vân Phú	93.554
5	Phường Nông Trang	8.929
6	Xã Lâm Thao	52.410
7	Xã Xuân Lũng	46.383
8	Xã Phùng Nguyên	469.563
9	Xã Bản Nguyên	330.059
10	Xã Phù Ninh	188.571
11	Xã Dân Chủ	232.472
12	Xã Phú Mỹ	188.591
13	Xã Trạm Thản	154.928
14	Xã Bình Phú	110.431
15	Xã Tam Nông	179.903
16	Xã Vạn Xuân	153.045
17	Xã Thọ Văn	89.802
18	Xã Hiền Quan	167.327
19	Xã Tu Vũ	121.585
20	Xã Thanh Thủy	249.374
21	Xã Đào Xá	165.195
22	Xã Đoan Hùng	81.043
23	Xã Tây Cốc	101.169
24	Xã Chân Mộng	161.035
25	Xã Chí Đám	106.145
26	Xã Bằng Luân	59.448

STT	Tên đơn vị	Số tiền
27	Xã Tiên Lương	233.528
28	Xã Vân Bán	217.500
29	Xã Cẩm Khê	207.235
30	Xã Phú Khê	297.999
31	Xã Hùng Việt	668
32	Xã Đồng Lương	115.091
33	Xã Thanh Ba	47.130
34	Xã Quảng Yên	43.994
35	Xã Hoàng Cương	107.960
36	Xã Đông Thành	77.770
37	Xã Chí Tiên	33.280
38	Xã Liên Minh	78.753
39	Xã Hạ Hoà	83.661
40	Xã Hiền Lương	141.570
41	Xã Yên Kỳ	177.455
42	Xã Đan Thượng	305.432
43	Xã Vĩnh Chân	224.914
44	Xã Văn Lang	53.534
45	Xã Yên Lập	147.290
46	Xã Thượng Long	123.470
47	Xã Sơn Lương	161.830
48	Xã Xuân Viên	164.761
49	Xã Minh Hòa	132.980
50	Xã Trung Sơn	34.444
51	Xã Võ Miếu	261.650
52	Xã Yên Sơn	21.138
53	Xã Minh Đài	60.288
54	Xã Tân Sơn	85.559
55	Xã Lai Đồng	66.645